

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày 08 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát
2. Ông Vi Quang Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng và ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên;

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn Đ, sinh năm 1996 tại huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Đỗ Thị Hải Y; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2020 đến nay; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

*** Bị hại:**

1. Phùn Văn H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

2. Đinh Văn T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3. Lê Tuấn N, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hoàng Thị Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn N, xã Tuấn Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

2. Lương Văn C, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3. Vi Thanh K, sinh năm 1972; nơi cư trú: Khu 5, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

4. Lã Thị H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu 5, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

5. Hoàng Văn V, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số nhà 81, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Phùn Văn P, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Vi Thanh B, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu 5, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 29/6/2018 đến ngày 01/8/2018, Bùi Văn Đ thực hiện 03 hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

1. Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 29/6/2018, Phùn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn trắng – đen – bạc, biển số 98L1-024.82 chở Phùn Văn P đi đến quán hát karaoke H ở thôn T, xã Y, huyện S. Tại đây H, P gặp Bùi Văn Đ và Lương Văn C; do H và Đ quen biết nhau từ trước nên tất cả cùng hát Karaoke với nhau. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì cả nhóm không hát nữa, H và Đ đi về, còn C và P rủ nhau đi đến huyện L, tỉnh Bắc Giang chơi. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29/6/2018, Đ gọi điện thoại cho H nói “Anh mang xe máy ra ngã ba Y cho em mượn”, ngay sau đó H điều khiển xe mô tô biển số 98L1- 024.82 đến thôn N, xã Y, huyện S. Tại đây, Đ hỏi mượn xe máy

của H khoảng 10 phút, H hỏi Đ “đi đâu để anh kèm đi”, khi cả hai đi được khoảng 100m thì Đ nói “Để em tự đi một mình” nên H dừng lại giao xe cho Đ mượn. Sau đó Đ điều khiển xe đi đến thôn T, xã C, huyện S vào quán Internet chơi game máy bắn cá. Sau khi chơi hết tiền mang theo, Đ đã nảy sinh ý định mang xe mô tô mượn của H đi cầm đồ lấy tiền chơi game tiếp; Đ gọi điện thoại cho C hỏi xem có biết quán cầm đồ nào không, lúc này C và P đi chơi ở huyện L đang trên đường về, khi gặp nhau C hỏi Đ xe của ai, Đ nói xe của Đ. Sau đó Đ đi xe một mình, còn C chở P đi theo đường Quốc lộ 31, hướng Sơn Động - Bắc Giang; khi đi đến khu vực thôn P, xã P, huyện L, Đ nhìn thấy ở bên phải đường Quốc lộ 31 theo chiều đi có một hiệu cầm đồ đã đóng cửa đi ngủ, đó là hiệu cầm đồ của ông Lãnh Văn Đ, trên biển quảng cáo có ghi số điện thoại; Đ lấy điện thoại của mình gọi đến số điện thoại đó thì thấy có người nghe điện, Đ nói muốn cầm cố một chiếc xe máy nên ông Đ dậy ra mở cửa. Đ và ông Đ trao đổi với nhau, sau khi xem xe mô tô và giấy đăng ký xe (để ở trong cốp xe), ông Đ nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Đ đồng ý; do không có giấy chứng minh nhân dân nên Đ đã nhờ C đứng tên cầm cố. Sau khi nhận được tiền cầm cố xe mô tô, Đ, C và P cùng đi xe máy của C về quán Internet ở thôn T, xã C, huyện S để tiếp tục chơi game máy bắn cá, số tiền trên Đ đã thanh toán trả tiền chơi game hết. Khoảng 19 giờ ngày 01/7/2018, Đ điện thoại nhờ anh Vi Thanh B đi chuộc chiếc xe mô tô mà Đ đã cầm cố, anh B nói với bố là ông Vi Thanh K – Chủ hiệu cầm đồ thì ông K đồng ý. Sau đó Đ bảo C đi xe mô tô kèm Đ đến hiệu cầm đồ của ông Đ, ông K đi xe Taxi đến sau; ông K trả tiền cho ông Đ để nhận lại xe mô tô biển số 98L1-024.82 và giấy đăng ký xe. Tại đây, ông K làm hợp đồng cầm đồ chiếc xe mô tô nêu trên, do Đ không có giấy chứng minh nhân dân nên C tiếp tục đứng tên trong hợp đồng cầm đồ với ông K, giá cầm cố bằng với số tiền ông K đã chuộc là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), sau đó ông K điều khiển xe mô tô trên về nhà cất giữ. Khoảng mấy ngày sau, C đến nhà ông K đề nghị lấy thêm tiền, ông K đồng ý đưa thêm cho C 2.000.000đ nữa và làm lại hợp đồng cầm đồ với nội dung anh C đặt xe mô tô biển số 98L1- 024.82 để vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau vài ngày liên lạc với Đ nhưng không đòi được xe mô tô, anh H đã làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Bùi Văn Đ. Ngày 10/7/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện Sơn Động đã thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98L1- 024.82, 01 giấy đăng ký xe và 01 hợp đồng cầm đồ tại hiệu cầm đồ của bà Lã Thị H (là vợ ông Vi Thanh K) ở Khu 5, thị trấn A, huyện S. Xe mô tô trên là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Hoàng Thị Đ, chị Đ cho anh H mượn sau đó bị Đ chiếm đoạt. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Đ xe mô tô biển số 98L1- 024.82 và giấy đăng ký xe.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Động kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98L1- 024.82 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 8.500.000đ (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn).

2. Lần thứ 2: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/7/2018, anh Đinh Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn đen – bạc, biển số 98E1 – 320.93 chở bạn là Tô Văn H đến nhà Bùi Văn Đ chơi. Sau đó Đ rủ T và H đi hát karaoke, cả ba người đi xe mô tô của T đến quán hát H ở thôn Tr, xã Y, huyện S, khi đang hát có thêm mấy người bạn của Đ đến hát cùng. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Đ hỏi mượn xe mô tô của anh T đi ra ngoài một lúc nhưng không nói là đi đâu, anh T đồng ý và đưa chìa khóa xe cho Đ. Mượn được xe, Đ điều khiển xe mô tô biển số 98E1 – 320.93 đi thẳng đến thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Theo Đ khai thì Đ đi đến phòng trọ của một người bạn tên là T ngủ đêm ở đó, hôm sau Đ đem xe mô tô mượn của anh T đến một hiệu cầm đồ mà Đ không rõ tên, tuổi của chủ hiệu và không nhớ địa chỉ ở đâu; Đ cầm cố xe mô tô với giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nhưng không làm hợp đồng hoặc văn bản giấy tờ gì; số tiền trên Đ đã chi tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra không xác định được tên, địa chỉ của hiệu cầm đồ nên không thu giữ được chiếc xe mô tô biển số 98E1 – 320.93.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Động kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98E1 – 320.93, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 10.500.000đ (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn).

3. Lần thứ 3: Khoảng 21 giờ ngày 01/8/2018, Lê Tuấn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn trắng – nâu – xám, biển số 98B2 – 000.16 chở Nguyễn Việt T, Bùi Văn Đ đến quán karaoke New Style ở thôn V, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; tại đây Đ gọi thêm mấy người bạn nữa đến hát cùng. Sau khi hát được khoảng một tiếng thì Đ hỏi mượn xe mô tô của N nói là đi xuống dốc Đèo V 5 phút (cách quán hát khoảng 02km), N đồng ý và đưa chìa khóa xe cho Đ. Mượn được xe của N, Đ điều khiển xe mô tô biển số 98B2 – 000.16 đi đến khu vực Trường 2 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Đ cầm cố xe mô tô trên cho một chủ hiệu cầm đồ nhưng không rõ tên, tuổi, địa chỉ của người đó; do không có giấy đăng ký xe nên Đ chỉ cầm cố được số tiền 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), số tiền trên Đ đã chi tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra không xác định được tên, địa chỉ của hiệu cầm đồ nên không thu giữ được xe mô tô biển số 98B2 – 000.16.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Động kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98B2 – 000.16, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn).

4. Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS-SD ngày 15 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Bùi Văn Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

5. Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 và Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 09 – 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, từ 15 - 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tổng hợp hình phạt buộc Bùi Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 24 – 30 tháng tù, miễn phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc Bùi Văn Đ phải bồi thường cho anh Đinh Văn T 10.500.000đ, bồi thường cho anh Lê Tuấn N = 10.000.000đ; buộc Bùi Văn Đ và Lương Văn C phải bồi thường cho vợ chồng ông Vi Thanh K, bà Lã Thị H số tiền 10.000.000đ, trong đó Đ phải bồi thường = 8.000.000đ, C phải bồi thường = 2.000.000đ; bị cáo Bùi Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo Bùi Văn Đ trình bày: Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội; bị cáo xin lỗi những người bị hại và hứa sẽ cải tạo tốt; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn Đ thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của

những người bị hại và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 29/6/2018, bị cáo Bùi Văn Đ đã mượn của anh Phùn Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98L1- 024.82; ban đầu bị cáo mượn xe đi chơi game, đến khi hết tiền chơi game bị cáo đã đem xe mô tô mượn của anh Hoàng đi cầm cố để lấy tiền tiếp tục chơi game mà không hỏi ý kiến của anh H, sau đó bị cáo không có tiền chuộc xe để trả lại anh H. Như vậy bị cáo đã sử dụng tài sản mượn của anh H vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi đó của bị cáo Bùi Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, Hội đồng định giá tài sản kết luận xe mô tô biển số 98L1- 024.82 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 8.500.000đ (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn). Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 22/7/2018, trong khi đang cùng nhau hát Karaoke thì bị cáo Bùi Văn Đ hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98E1 – 320.93 của anh Đinh Văn T đi ra ngoài một lúc, sau khi mượn được xe mô tô của anh T bị cáo đã đi thẳng đến thành phố Bắc Giang; theo bị cáo khai thì bị cáo đem xe mô tô mượn của anh T đến một hiệu cầm đồ, do không có giấy đăng ký xe nên chủ hiệu cầm đồ đã nhận cầm cố xe mô tô trên với giá 5.000.000 đồng; Hội đồng định giá tài sản đã kết luận xe mô tô biển số 98E1 – 320.93 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 10.500.000đ (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng). Như vậy, việc bị cáo hỏi mượn xe của anh T một lúc là thủ đoạn gian dối để anh T tin tưởng giao xe cho bị cáo; việc bị cáo khai đem xe mô tô mượn của anh T đi cầm cố là bịa đặt vì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh; chứng tỏ bị cáo đã bán xe mô tô mượn của anh T cho một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Cũng bằng thủ đoạn tương tự, ngày 01/8/2020, bị cáo Bùi Văn Đ hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98B2 – 000.16 của anh Lê Tuấn N khoảng 05 phút, sau đó bị cáo đem xe mô tô mượn của anh N đến thành phố Bắc Giang tiêu thụ, bán cho một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 2.800.000 đồng; Hội đồng định giá tài sản đã kết luận xe mô tô biển số 98B2 – 000.16 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn). Hai hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Văn Đ đều dùng thủ đoạn gian dối đó là hỏi mượn xe mô tô một lúc rồi chiếm đoạt, đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trong hai lần là 20.500.000đ (Hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn). Hai hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài

sản hợp pháp của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Bùi Văn Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy bị cáo bị cáo Bùi Văn Đ là đối tượng lười lao động, thích ăn chơi đua đòi hưởng thụ bất chính; chỉ trong khoảng thời gian hơn một tháng bị cáo thực hiện liên tiếp ba hành vi phạm tội để chiếm đoạt tài sản của người khác, trong đó một hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, hai hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt trong ba lần phạm tội là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng chẵn). Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo là đúng với chính sách xử lý của pháp luật hình sự Nhà nước ta.

[3] Xem xét các tình tiết để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, hình phạt giành cho bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bị cáo thực hiện hai hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; song, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; hình phạt giành cho bị cáo ở mức trung bình của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4] Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 và khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc gia đình; để đảm bảo tính khả thi trong giai đoạn thi hành án, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98L1- 024.82 mà bị cáo chiếm đoạt của anh Phùn Văn H là tài sản của chị Hoàng Thị Đ cho anh H mượn. Quá trình điều tra đã thu giữ được xe mô tô này và giấy đăng ký xe, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho chị Đ. Anh H và chị Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nữa nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98E1 – 320.93 mà bị cáo chiếm đoạt của anh Đinh Văn T nhưng không thu giữ được. Tại phiên tòa anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị xe mô tô bằng với giá được Hội đồng định giá kết luận là 10.500.000đồng, bị cáo cũng đồng ý; vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T với mức bồi thường như trên là có căn cứ.

Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98B2 – 000.16 mà bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Tuấn N nhưng không thu giữ được; xe mô tô này là tài sản của anh Hoàng Văn V cho anh N mượn, nay anh N và anh V đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh N, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho anh N giá trị xe mô tô như Hội đồng định giá tài sản đã kết luận là 10.000.000đồng; vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh N với mức bồi thường như trên là có căn cứ.

Bị cáo Đ nhờ Lương Văn C làm thủ tục cầm cố xe mô tô biển số 98L1-024.82 với vợ chồng ông Vi Thanh K, bà Lã Thị H với giá 8.000.000đồng (bà H có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ), sau đó C lấy thêm 2.000.000đồng và làm thủ cầm cố lại xe mô tô trên với giá 10.000.000đồng. Do xe mô tô trên đã bị thu giữ để trả lại cho chủ sở hữu nên vợ chồng ông K, bà H bị thiệt hại là có cơ sở. Do ông K, bà H và anh C đều vắng mặt tại phiên tòa nên không thể làm rõ được yêu cầu của ông K, bà H và trách nhiệm của anh C. Hội đồng xét xử tách việc giải quyết bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Đ, anh C với vợ chồng ông K, bà H; nếu các bên không tự thỏa thuận giải quyết được với nhau thì ông K, bà H có quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thì: Bị cáo Bùi Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.025.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai tố cáo, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử kết luận hành vi,

quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định và hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

2- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 08 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, 16 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (Hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27/01/2020).

3- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc Bùi Văn Đ phải bồi thường cho anh Đinh Văn T giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98E1 – 320.93 bằng 10.500.000đ (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn).

Buộc Bùi Văn Đ phải bồi thường cho anh Lê Tuấn N giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển số 98B2 – 000.16 bằng 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn).

4- Áp dụng Điều 6, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Bùi Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; cộng = 1.225.000đ (Một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và bị hại có mặt đều có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, đương sự
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Công an huyện SĐ
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Sở Tư pháp BG
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thái